

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 08 tháng 09 năm 2015.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch
	Ông Bùi Tấn Tài	Thành viên
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Thành viên
	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Thành viên
	Ông Đinh Văn Thập	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Phạm Phú Cường	Tổng Giám đốc
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Phạm Kiều Oanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đinh Văn Thập	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 01/4/2016)
	Bà Nguyễn Thị Thanh	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 01/4/2016)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Phú Cường

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Số: 377/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2017, từ trang 05 đến trang 48, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Thanh Nam

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 17/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Tiến Trình

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1806-2015-137-1

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.250.091.813.579	1.695.799.337.113
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	46.203.334.462	127.376.857.314
1. Tiền	111		45.703.334.462	66.076.857.314
2. Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000	61.300.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		462.618.285.599	749.904.439.374
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	368.047.542.640	656.652.612.246
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		44.985.778.336	44.411.291.443
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	49.584.964.623	48.840.535.685
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	647.365.507.180	721.302.870.922
1. Hàng tồn kho	141		650.464.574.413	723.431.043.399
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.099.067.233)	(2.128.172.477)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		93.904.686.338	97.215.169.503
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	13.090.603.129	11.219.686.196
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		67.884.784.087	68.287.205.015
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.10	12.929.299.122	17.708.278.292
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		560.826.491.806	468.776.442.951
I Các khoản phải thu dài hạn	210		50.336.335.729	32.580.885.306
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	50.336.335.729	32.580.885.306
II Tài sản cố định	220		269.023.257.820	229.737.202.356
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	241.015.428.273	200.007.080.315
- Nguyên giá	222		688.253.427.509	600.685.712.069
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(447.237.999.236)	(400.678.631.754)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	28.007.829.547	29.730.122.041
- Nguyên giá	228		40.978.782.924	39.442.150.391
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.970.953.377)	(9.712.028.350)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	279.131.296
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	279.131.296
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	200.425.871.825	165.850.871.825
1. Đầu tư vào công ty con	251		102.053.268.520	72.803.268.520
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		71.086.989.920	65.761.989.920
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		27.285.613.385	27.285.613.385
VI Tài sản dài hạn khác	260		41.041.026.432	40.328.352.168
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	41.041.026.432	40.328.352.168
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.810.918.305.385	2.164.575.780.064

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.505.175.910.963	1.875.639.296.090
I- Nợ ngắn hạn	310		1.416.205.172.929	1.816.190.606.720
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	231.374.586.309	305.603.541.628
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		16.035.239.608	5.950.414.159
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	9.387.478.002	6.777.865.145
4. Phải trả người lao động	314		118.276.086.008	127.237.736.674
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	33.138.080.284	25.762.430.818
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.12	4.899.609.401	485.335.656
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	12.564.627.513	9.604.509.408
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	936.937.742.161	1.293.451.945.075
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.15	39.171.767.442	29.144.918.195
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		14.419.956.201	12.171.909.962
II- Nợ dài hạn	330		88.970.738.034	59.448.689.370
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.9	375.597.034	1.496.498.791
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.12	22.205.546.226	15.259.492.405
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	6.879.272.774	6.338.182.174
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.14	59.510.322.000	36.354.516.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		305.742.394.422	288.936.483.974
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	305.742.394.422	288.936.483.974
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.399.897.713	31.399.897.713
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		92.342.496.709	75.536.586.261
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		30.036.586.261	19.367.739.303
- LNST chưa phân phối kì này	421b		62.305.910.448	56.168.846.958
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.810.918.305.385	2.164.575.780.064

Người lập



Huỳnh Văn Phát

Kế toán trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

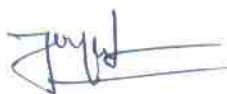
Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	3.085.978.518.777	3.597.781.717.707
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		17.827.685.241	15.345.848.134
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	3.068.150.833.536	3.582.435.869.573
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	2.443.213.745.303	2.950.516.073.486
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		624.937.088.233	631.919.796.088
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	53.272.808.507	68.912.730.773
7. Chi phí tài chính	22	5.20	58.389.233.407	103.860.952.486
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.729.849.454	26.746.350.984
8. Chi phí bán hàng	24	5.21	267.136.099.674	259.330.565.738
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	272.849.244.910	256.941.776.412
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		79.835.318.748	80.699.232.224
11. Thu nhập khác	31	5.23	9.884.461.560	1.548.679.057
12. Chi phí khác	32	5.23	1.671.859.001	963.472.352
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		8.212.602.559	585.206.705
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		88.047.921.307	81.284.438.929
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	13.874.218.365	12.866.542.680
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		74.173.702.942	68.417.896.249

Người lập



Huỳnh Văn Phát

Kế toán trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	88.047.921.307	81.284.438.929
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	58.651.973.654	56.546.903.938
- Các khoản dự phòng	3	10.997.744.003	29.576.120.182
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	16.069.842.221	5.754.169.844
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(26.512.935.796)	(25.186.235.888)
- Chi phí lãi vay	6	24.729.849.454	26.746.350.984
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	171.984.394.843	174.721.747.990
- Tăng các khoản phải thu	9	256.879.673.335	(271.368.159.806)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	72.966.468.986	(65.109.574.673)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(84.516.312.451)	65.580.715.777
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(2.583.591.197)	(4.965.930.852)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(24.729.849.454)	(26.746.350.984)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.239.640.633)	(17.148.349.457)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.619.746.232)	(12.029.174.435)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	371.141.397.196	(157.065.076.440)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(70.666.492.046)	(58.057.852.708)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	3.793.710.510	966.377.240
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(20.902.324.250)	(12.624.300.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.050.000.000	1.726.087.203
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25.123.892.231	24.172.345.501
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(58.601.213.555)	(43.817.342.764)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	2.434.604.876.172	3.072.172.901.818
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.783.616.622.588)	(2.756.247.769.754)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(45.500.000.000)	(45.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(394.511.746.416)	270.425.132.064
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(81.971.562.775)	69.542.712.860
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	127.376.857.314	55.907.981.288
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	798.039.923	1.926.163.166
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	46.203.334.462	127.376.857.314

Người lập



Huỳnh Văn Phát

Kế toán trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. HCM cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 08 tháng 09 năm 2015.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Vốn điều lệ là: 182.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	5.040.000	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần 4M	1.780.000	17.800.000.00	9,78%
Công ty CP TM & Vận tải Biển Bom	49.122	491.220.000	0,27%
Các cổ đông khác	11.330.878	113.308.780.000	62,26%
Tổng	18.200.000	182.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 31/12/2016: 5.762 người (31/12/2015 là: 6.501 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm nhuộm;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;
- ...

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2016, Tổng Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết như sau:

	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con	
Công ty Cổ phần May Gia Lai	51,00%
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	55,00%
Công ty Cổ phần May Bình Định	51,84%
Công ty Cổ phần May An Nhơn	51,00%
Công ty Cổ phần May Tam Quan	51,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Nhà Bè (Đã giải thể từ ngày 22/11/2016)	51,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May Nhà Bè	51,00%
Công ty Cổ phần May Bình Thuận – Nhà Bè	51,00%
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	70,00%
Công ty Cổ phần May Nhà Bè – Hậu Giang	72,00%
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	51,00%
Công ty liên kết	
Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	33,19%
Công ty CP Truyền Thông và Du lịch NBC	43,00%
Công ty CP May Nam Định	34,33%
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà Bè	28,58%
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	30,00%
Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	30,00%
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	29,99%
Công ty CP May Sông Tiền	43,89%
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	25,00%
Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	30,00%

Các đơn vị phụ thuộc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát
 Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc
 Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May An Giang
 Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum
 Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định
 Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc
 Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội
 Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Đà Nẵng

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức sổ Nhật ký chứng từ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

(i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại tại ngày 31/12/2016.

(ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại tại ngày 31/12/2016.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền:

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các Công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2016.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, quyền phát hành, công thức pha chế,... và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)****b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2016 Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 07

Tài sản cố định vô hình

	Năm 2016 Số năm
Quyền sử dụng đất	50
Nhãn hiệu hàng hóa	10
Bản quyền, bằng sáng chế	10
Công thức pha chế, thiết kế,...	10

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí khuyến mãi, chiết khấu,...

Chi phí nguyên vật liệu: vải chính,...

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chínhGhi nhận ban đầu**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	6.278.917.380	8.647.386.842
Tiền gửi ngân hàng	39.424.417.082	57.429.470.472
Các khoản tương đương tiền (*)	500.000.000	61.300.000.000
Tổng	46.203.334.462	127.376.857.314

(*) Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn dưới 03 tháng.

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	368.047.542.640	656.652.612.246
DESIPRO PTE.LTD	-	76.166.704.258
MOTIVES	-	162.625.477.173
ASDA	-	5.755.359.457
WE EUROPE	1.345.616.048	6.061.029.217
JP GLOBAL	23.078.996.509	8.789.905.008
Công ty CP May Gia Lai	51.463.604.719	44.725.228.136
H&M	11.828.556.568	14.154.092.560
JC PENNY	7.798.740.722	12.589.820.830
ARCADIA	4.315.349.450	8.437.458.337
BMB CLOTHING GROUP	34.535.871.481	18.898.535.568
GROSSO MODA	-	15.163.988.342
LUCRETIA	19.862.956.816	16.561.234.214
PRIMARK	1.678.978.260	2.735.901.493
TRYBUS	4.256.819.110	7.026.066.082
GENEROS	18.175.759.929	2.583.474.294
Phải thu các đối tượng khác	189.706.293.028	254.378.337.277
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Tổng	368.047.542.640	656.652.612.246

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.3 Phải thu khác

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	49.584.964.623	-	48.840.535.685	-
- Phải thu bảo hiểm xã hội	445.755.928	-	1.956.844.810	-
- Phải thu bán nguyên phụ liệu	-	-	11.191.241.000	-
- Ứng tiền đầu tư dự án Hậu Giang	-	-	17.423.175.750	-
- Phải thu tạm ứng	5.527.760.897	-	4.148.520.519	-
- Phải thu các công ty con, liên kết	13.339.550.299	-	5.727.052.924	-
- Ứng tiền dự án Đức Linh	22.137.605.938	-	-	-
- Ký quỹ ngắn hạn	1.272.939.948	-	-	-
- Phải thu khác	6.861.351.613	-	8.393.700.682	-
Dài hạn	50.336.335.729	-	32.580.885.306	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.275.424.624	-	2.152.259.156	-
- Công ty Cổ phần May Phù Cát	8.453.700.000	-	10.144.440.000	-
- Mua đất dự án Long Thới	34.296.286.150	-	20.284.186.150	-
- Phải thu các công ty con, liên kết	2.032.033.497	-	-	-
- Phải thu khác	3.278.891.458	-	-	-
Tổng	99.921.300.352	-	81.421.420.991	-

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	280.467.654.420	(513.300.955)	318.809.004.717	(556.923.321)
Công cụ, dụng cụ	1.441.587.636	-	1.164.371.421	-
Chi phí SX KDDD	232.812.847.191	-	236.735.624.740	-
Thành phẩm	69.767.281.234	(746.842.109)	100.784.936.401	(453.153.239)
Hàng hóa	7.863.161.353	(827.974.100)	7.842.506.404	(107.145.849)
Hàng gửi bán	58.112.042.579	(1.010.950.068)	58.094.599.716	(1.010.950.068)
Tổng	650.464.574.413	(3.099.067.232)	723.431.043.399	(2.128.172.477)

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.5 Chi phí trả trước

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	13.090.603.129	11.219.686.196
Chi phí bảo hiểm	2.279.383.617	2.020.552.115
Chi phí CCDC	1.470.711.214	3.060.937.315
Máy móc thiết bị	14.995.758	16.542.262
Phân bổ phụ tùng	1.099.368.292	376.469.858
Chi phí quảng cáo	678.877.934	948.490.354
Chi phí sửa chữa	731.179.139	723.990.835
Chi phí thuê mặt bằng	2.885.814.629	3.441.380.030
Tiền thuê đất	170.047.300	74.426.761
Khác	3.760.225.246	556.896.666
b) Dài hạn	41.041.026.432	40.328.352.168
Chi phí thuê đất	15.647.352.416	16.596.234.548
Chi phí CCDC	5.655.271.104	9.659.343.807
Chi phí quảng cáo	1.020.949.366	201.676.665
Chi phí sửa chữa	8.633.962.955	6.283.887.946
Chi phí phụ tùng	2.714.254.708	1.645.269.611
Tài sản giảm theo thông tư 45	132.390.401	945.745.626
Máy móc thiết bị	6.316.070.067	4.917.110.131
Khác	920.775.415	79.083.834
Tổng	54.131.629.561	51.548.038.364

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2016	213.343.081.379	352.425.271.456	24.617.522.850	10.299.836.384	600.685.712.069
Tăng trong năm	24.128.970.022	70.168.228.564	2.905.182.700	1.603.682.244	98.806.063.530
Mua trong năm	784.925.400	70.168.228.564	2.905.182.700	1.603.682.244	75.462.018.908
Xây dựng cơ bản hoàn thành	23.344.044.622	-	-	-	23.344.044.622
Giảm trong năm	-	10.632.824.281	376.476.190	229.047.619	11.238.348.090
Thanh lý nhượng bán	-	10.632.824.281	376.476.190	229.047.619	11.238.348.090
Số dư tại 31/12/2016	237.472.051.401	411.960.675.739	27.146.229.360	11.674.471.009	688.253.427.509
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2016	117.020.960.570	258.736.297.924	16.714.403.651	8.206.969.609	400.678.631.754
Tăng trong năm	14.363.010.875	37.856.524.724	2.224.126.237	972.987.002	55.416.648.838
Khấu hao trong năm	14.363.010.875	37.856.524.724	2.200.526.026	972.987.002	55.393.048.627
Phân loại lại	-	-	23.600.211	-	23.600.211
Giảm trong năm	-	8.269.657.339	376.476.190	211.147.827	8.857.281.356
Thanh lý nhượng bán	-	8.269.657.339	376.476.190	187.547.616	8.833.681.145
Phân loại lại	-	-	-	23.600.211	23.600.211
Số dư tại 31/12/2016	131.383.971.445	288.323.165.309	18.562.053.698	8.968.808.784	447.237.999.236
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	96.322.120.809	93.688.973.532	7.903.119.199	2.092.866.775	200.007.080.315
Tại ngày 31/12/2016	106.088.079.956	123.637.510.430	8.584.175.662	2.705.662.225	241.015.428.273

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2016: 288.146.496.479 đồng (tại ngày 31/12/2015: 213.986.469.625 đồng).

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Nhãn hiệu, hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế	Quyền phát hành, giấy phép, giấy nhượng quyền	Công thức, pha chế thiết kế, kiểu mẫu	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2016	1.923.690.012	22.861.145.170	12.323.741.389	2.333.573.820	-	39.442.150.391
Tăng trong năm	11.238.010.373	1.536.632.533	-	-	21.978.117.088	34.752.759.994
Mua mới trong năm	-	1.536.632.533	-	-	-	1.536.632.533
Phân loại lại	11.238.010.373	-	-	-	21.978.117.088	33.216.127.461
Giảm trong năm	-	18.558.812.252	12.323.741.389	2.333.573.820	-	33.216.127.461
Phân loại lại	-	18.558.812.252	12.323.741.389	2.333.573.820	-	33.216.127.461
Số dư tại 31/12/2016	13.161.700.385	5.838.965.451	-	-	21.978.117.088	40.978.782.924
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2016	159.402.154	5.678.213.917	2.351.068.702	1.523.343.577	-	9.712.028.350
Tăng trong năm	2.140.775.770	2.435.313.643	524.294.484	233.357.388	6.355.067.688	11.688.808.973
Khấu hao trong năm	65.959.512	2.435.313.643	524.294.484	233.357.388	-	3.258.925.027
Phân loại lại	2.074.816.258	-	-	-	6.355.067.688	8.429.883.946
Giảm trong năm	-	3.797.819.795	2.875.363.186	1.756.700.965	-	8.429.883.946
Phân loại lại	-	3.797.819.795	2.875.363.186	1.756.700.965	-	8.429.883.946
Số dư tại 31/12/2016	2.300.177.924	4.315.707.765	-	-	6.355.067.688	12.970.953.377
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2016	1.764.287.858	17.182.931.253	9.972.672.687	810.230.243	-	29.730.122.041
Tại 31/12/2016	10.861.522.461	1.523.257.686	-	-	15.623.049.400	28.007.829.547

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

Tên công ty	Tỷ lệ		31/12/2016 (VND)				01/01/2016 (VND)			
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	
Đầu tư vào Công ty con				102.053.268.520	102.053.268.520	-	72.803.268.520	72.803.268.520	-	
1 Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	51,00%	51%	1.275.000	12.750.000.000	12.750.000.000		12.750.000.000	12.750.000.000		
2 Công ty CP May Đà Lạt	55,00%	55%	581.765	5.817.648.520	5.817.648.520		5.817.648.520	5.817.648.520		
3 Công ty CP May Bình Định	51,84%	52%	1.153.562	11.535.620.000	11.535.620.000		11.535.620.000	11.535.620.000		
4 Công ty CP May An Nhơn	51,00%	51%	765.000	7.650.000.000	7.650.000.000		7.650.000.000	7.650.000.000		
5 Công ty CP Thương Mại Nhà Bè	51,00%	51%	-	-	-		2.550.000.000	2.550.000.000		
6 Công ty CP TM Dệt May Nhà Bè	51,00%	51%	255.000	2.550.000.000	2.550.000.000		2.550.000.000	2.550.000.000		
7 Công ty CP May Tam Quan	51,00%	51%	1.530.000	15.300.000.000	15.300.000.000		15.300.000.000	15.300.000.000		
8 Công ty CP May Gia Lai	51,00%	51%	765.000	7.650.000.000	7.650.000.000		7.650.000.000	7.650.000.000		
9 Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	70,00%	70%	700.000	7.000.000.000	7.000.000.000		7.000.000.000	7.000.000.000		
10 Công ty CP May Hậu Giang - Nhà Bè	72,00%	72,00%	2.310.000	21.600.000.000	21.600.000.000		-	-		
11 Công ty CP May Gia Phúc	51,00%	51,00%	1.020.000	10.200.000.000	10.200.000.000		-	-		
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết				71.086.989.920	71.086.989.920	-	65.761.989.920	65.761.989.920	-	
1 Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	33,19%	33,19%	922.382	9.223.819.263	9.223.819.263		9.223.819.263	9.223.819.263		
2 Công ty CP May Nam Định	34,33%	34,33%	388.917	3.889.170.657	3.889.170.657		3.889.170.657	3.889.170.657		
3 Công ty CP Đầu tư và Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà Bè	28,58%	28,58%	342.900	3.429.000.000	3.429.000.000		3.429.000.000	3.429.000.000		
4 Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	30,00%	30,00%	150.000	1.500.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	1.500.000.000		
5 Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	30,00%	30,00%	900.000	9.000.000.000	9.000.000.000		9.000.000.000	9.000.000.000		
6 Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	29,99%	29,99%	300.000	3.000.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000	3.000.000.000		
7 Công ty CP May Sông Tiền	43,89%	43,89%	1.536.000	15.360.000.000	15.360.000.000		15.360.000.000	15.360.000.000		
8 Công ty Cổ phần Truyền thông & Du lịch NBC	43,00%	43,00%	1.346.000	13.460.000.000	13.460.000.000		11.060.000.000	11.060.000.000		
9 Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	25,00%	25,00%	750.000	7.500.000.000	7.500.000.000		7.500.000.000	7.500.000.000		
10 Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	30,00%	30,00%	472.500	4.725.000.000	4.725.000.000		1.800.000.000	1.800.000.000		

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

		Tỷ lệ		31/12/2016 (VND)			01/01/2016 (VND)			
Tên công ty		Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác					27.285.613.385	27.285.613.385	-	27.285.613.385	27.285.613.385	-
Đầu tư trái phiếu					1.530.000.000	1.530.000.000		1.530.000.000	1.530.000.000	
1	Cty CP May An Nhơn				1.530.000.000	1.530.000.000		1.530.000.000	1.530.000.000	
Đầu tư khác					25.755.613.385	25.755.613.385	-	25.755.613.385	25.755.613.385	-
1	Công ty CP May Việt Thắng (Vigaco)	1,95%	1,95%		3.747.100.000	3.747.100.000		3.747.100.000	3.747.100.000	
2	Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Bình Thắng	18,13%	18,13%		5.802.843.385	5.802.843.385		5.802.843.385	5.802.843.385	
3	Công ty CP NPL Dệt May Bình An	6,45%	6,45%		7.161.920.000	7.161.920.000		7.161.920.000	7.161.920.000	
4	Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	2,04%	2,04%		3.480.000.000	3.480.000.000		3.480.000.000	3.480.000.000	
5	Công ty CP May Nam Định	18,59%	18,59%		1.338.750.000	1.338.750.000		1.338.750.000	1.338.750.000	
6	Công ty CP Đầu Tư An Phát	5,00%	5,00%		4.225.000.000	4.225.000.000		4.225.000.000	4.225.000.000	
Tổng					200.425.871.825	200.425.871.825	-	165.850.871.825	165.850.871.825	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Phải trả người bán

	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	231.374.586.309	231.374.586.309	305.603.541.628	305.603.541.628
Công ty CP May Tam Quan	15.028.832.427	15.028.832.427	20.455.026.214	20.455.026.214
Công ty CP May Gia Lai	9.466.548.521	9.466.548.521	14.571.303.665	14.571.303.665
Motives (Far East) Ltd.	12.222.664.521	12.222.664.521	13.347.859.645	13.347.859.645
Công ty TNHH Coats Phong Phú	7.091.377.059	7.091.377.059	12.816.655.224	12.816.655.224
Công ty CP May Bình Định	7.105.465.310	7.105.465.310	12.639.392.680	12.639.392.680
Công ty CP SX TM DV Hưng Phát	1.968.061.383	1.968.061.383	10.873.167.692	10.873.167.692
Công ty TNHH May XK Việt Thành	9.453.972.475	9.453.972.475	10.217.121.782	10.217.121.782
Công ty CP May Tây Sơn	2.087.143.842	2.087.143.842	10.054.160.258	10.054.160.258
Công ty CP Thương mại Dệt May tại Hà Nội	-	-	9.357.221.335	9.357.221.335
Công ty CP May An Nhơn	3.584.114.476	3.584.114.476	9.262.826.484	9.262.826.484
Công ty Cổ phần May Hậu Giang	8.836.411.752	8.836.411.752	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	154.529.994.543	154.529.994.543	182.008.806.649	182.008.806.649
b) Dài hạn	375.597.034	375.597.034	1.496.498.791	1.496.498.791
Công ty CP DV Dầu Khí Sài Gòn (SPSC)	-	-	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu Tư TM và DV Hà Anh	-	-	109.970.850	109.970.850
Công ty TNHH MTV TM Thời Trang Dệt May Việt Nam	-	-	607.833.224	607.833.224
Công Ty TNHH MTV XD SX TM DV T.A.T	-	-	46.822.875	46.822.875
Công ty TNHH Vải Sợi & Thời Trang Kim Vũ	-	-	68.071.500	68.071.500
Công ty TNHH Xây Dựng TTNT Trường Tín	-	-	34.984.783	34.984.783
Công ty Xây lắp I	234.364.068	234.364.068	234.364.068	234.364.068
Công ty TNHH SX - TMDV Nam Thành	24.097.482	24.097.482	24.097.482	24.097.482
Embisphene	37.962.000	37.962.000	37.962.000	37.962.000
The Sewing machine Company Ltd	53.947.720	53.947.720	53.947.720	53.947.720
Phải trả các nhà cung cấp khác	25.225.764	25.225.764	206.444.289	206.444.289
Tổng	231.750.183.343	231.750.183.343	307.100.040.419	307.100.040.419

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.10 Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước

	01/01/2016 VND	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016 VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3.463.419.919	23.663.251.854	24.055.201.030	3.071.470.743
Thuế XNK	1.082.997.001	1.125.097.728	1.075.529.276	1.132.565.453
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	11.236.134.508	9.239.640.633	1.996.493.875
Thuế thu nhập cá nhân	2.180.164.541	5.163.620.020	4.339.321.792	3.004.462.769
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	-
Thuế môn bài	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	51.283.684	3.674.993.872	3.543.792.394	182.485.162
Tổng	6.777.865.145	44.863.097.982	42.253.485.125	9.387.478.002
Phải thu				
Thuế XNK	15.026.155.297	4.415.621.597	2.274.726.284	12.885.259.984
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.638.083.857	2.638.083.857	-	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	44.039.138	-	-	44.039.138
Tổng	17.708.278.292	7.053.705.454	2.274.726.284	12.929.299.122

5.11 Chi phí phải trả

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	33.138.080.284	25.762.430.818
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	14.173.863.670	7.272.128.575
Bản quyền phần mềm Microsoft	-	23.247.298
Chi phí nguyên vật liệu - Vải chính	12.737.444.571	13.504.887.911
Hạn mục san nền mặt bằng và đường trục chính cụm công nghiệp Tam Quan	-	1.141.235.091
Chi phí điện, nước, vận chuyển	4.814.051.690	2.159.126.240
Chi phí phải trả khác	1.412.720.353	1.661.805.703
b) Dài hạn	-	-
Tổng	33.138.080.284	25.762.430.818

5.12 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	4.899.609.401	485.335.656
Doanh thu nhận trước	4.899.609.401	485.335.656
b) Dài hạn	22.205.546.226	15.259.492.405
Doanh thu nhận trước	22.205.546.226	15.259.492.405
Tổng	27.105.155.627	15.744.828.061

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Phải trả khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	12.564.627.513	9.604.509.408
Kinh phí công đoàn	2.249.102.875	910.373.377
Bảo hiểm xã hội	252.246.433	270.240.986
Bảo hiểm y tế	1.363.151.529	1.012.520.103
Bảo hiểm thất nghiệp	461.701.176	321.189.626
Phải trả khác	8.238.425.500	7.090.185.316
<i>Công ty CP May Gia Lai</i>	<i>3.607.879.269</i>	<i>3.800.000.000</i>
<i>Phải trả công ty CP May Bừu Long</i>	<i>1.174.114.171</i>	<i>1.174.114.171</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>3.456.432.060</i>	<i>2.116.071.145</i>
b) Dài hạn	6.879.272.774	6.338.182.174
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại CCN Tam Quan	3.423.705.274	3.423.705.274
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.455.567.500	2.914.476.900
Tổng	19.443.900.287	15.942.691.582

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2016 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	936.937.742.161	936.937.742.161	2.427.134.179.684	2.783.648.382.598	1.293.451.945.075	1.293.451.945.075
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>912.726.788.190</i>	<i>912.726.788.190</i>	<i>2.402.891.465.703</i>	<i>2.769.415.278.588</i>	<i>1.279.250.601.075</i>	<i>1.279.250.601.075</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND[1]	495.787.184.698	495.787.184.698	1.246.467.344.353	1.353.122.282.505	602.442.122.850	602.442.122.850
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 [2]	142.909.686.924	142.909.686.924	283.225.927.405	316.010.868.406	175.694.627.925	175.694.627.925
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) [3]	11.807.852.017	11.807.852.017	41.533.611.845	97.862.980.978	68.137.221.150	68.137.221.150
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam [4]	125.451.655.151	125.451.655.151	280.928.923.093	310.251.236.567	154.773.968.625	154.773.968.625
Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh [5]	15.084.324.965	15.084.324.965	62.030.465.686	82.737.673.496	35.791.532.775	35.791.532.775
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đồng Sài Gòn [6]	16.903.807.461	16.903.807.461	113.823.377.700	147.228.073.089	50.308.502.850	50.308.502.850
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) [7]	18.614.794.516	18.614.794.516	71.608.758.352	52.993.963.836	-	-
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam [8]	9.324.919.121	9.324.919.121	93.912.750.494	106.501.829.223	21.913.997.850	21.913.997.850
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn [9]	76.842.563.337	76.842.563.337	177.564.903.577	226.510.025.515	125.787.685.275	125.787.685.275
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Sài Gòn	-	-	11.858.434	44.412.800.209	44.400.941.775	44.400.941.775
Ngân hàng TMCP Hàng Hải [10]	-	-	31.783.544.764	31.783.544.764	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	24.210.953.971	24.210.953.971	24.242.713.981	14.233.104.010	14.201.344.000	14.201.344.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - USD	19.431.392.120	19.431.392.120	19.463.152.130	10.021.760.010	9.990.000.000	9.990.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND	4.779.561.851	4.779.561.851	4.779.561.851	4.211.344.000	4.211.344.000	4.211.344.000

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2016 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay dài hạn	59.510.322.000	59.510.322.000	47.366.759.971	24.210.953.971	36.354.516.000	36.354.516.000
Từ 12 đến 60 tháng						
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - USD [11]	53.214.650.000	53.214.650.000	44.768.542.120	19.431.392.120	27.877.500.000	27.877.500.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND [11]	6.295.672.000	6.295.672.000	2.598.217.851	4.779.561.851	8.477.016.000	8.477.016.000
Tổng	996.448.064.161	996.448.064.161	2.474.500.939.655	2.807.859.336.569	1.329.806.461.075	1.329.806.461.075

[1] Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014. Hạn mức cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, phát hành thư tín dụng, hạn mức khác là: 800.000.000.000 đồng. Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 30/06/2015. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Biện pháp bảo đảm là không có tài sản đảm bảo. Hợp đồng cho vay theo hạn mức 01/CV-0211/KH/14NH ngày 25/09/2014 đính kèm hợp đồng 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014. Hạn mức cho vay là: 800.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động, thời gian rút vốn vay đến hết ngày 30/06/2015, thời hạn vay trên mỗi giấy nhận nợ tối đa là 6 tháng. Lãi suất cho vay là lãi suất thỏa thuận lúc nhận nợ, lãi vay được tính kể từ khi nhận nợ, kỳ tính lãi là từ 26 tháng trước đến 25 tháng tiếp theo. Biện pháp bảo đảm: cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo. Hợp đồng cấp hạn mức phát hành thư tín dụng số 01/TTD-0211/KH/14NH ngày 25/09/2014 đính kèm hợp đồng 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014, Hạn mức phát hành thư tín dụng là: 800.000.000.000 đồng, thời hạn đến hết 30/06/2015. Hợp đồng hạn mức chiết khấu có truy đòi hối phiếu và bộ chứng từ xuất khẩu số 01/CK-0211/KH/14NH ngày 25/09/2014 đính kèm hợp đồng 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014, lãi suất chiết khấu do hai bên thỏa thuận.

- Phụ lục 02/CV-0211/KH/14NH : Hợp đồng cho vay theo hạn mức ngày 30 tháng 06 năm 2015 đính kèm hợp đồng tín dụng số 0211/KH/14NH ngày 25 tháng 09 năm 2014 : Hạn mức cho vay : 800.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn rút vốn có hiệu lực đến hết ngày 30/06/2015. Thời hạn cho vay được tính theo từng Giấy nhận nợ của từng lần rút vốn tối đa là 06 tháng kể từ ngày nhận nợ vay theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay theo thỏa thuận tại thời điểm Công ty nhận nợ sử dụng vốn vay. Lãi suất nợ quá hạn áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

[2] Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh 4: Hợp đồng tín dụng số 01/2015 - HĐTDHM/NHCT908-NBC ký ngày 16/10/2015. Hạn mức cho vay: Tổng mức dư nợ vay và số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 400.000.000.000 đồng. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ, số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay phát sinh được điều chỉnh bởi hợp đồng tín dụng số 14.043.011.01/2014 - HĐTNHM/NHCT908-NBC ngày 20/10/2014. Thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 16/10/2015 đến hết 25/10/2016. Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ theo quy định của Bên cho vay. Lãi vay thanh toán hàng tháng vào ngày 25.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTDHM/NHCT908-NBC ký ngày 01/11/2016. Hạn mức cho vay: Tổng mức dư nợ vay và và số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 400.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 01/11/2016 đến hết ngày 01/11/2017. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016-2017. Lãi suất cho vay của khoản nợ được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 14%/năm. Lãi vay thanh toán hàng tháng vào ngày 25

[3] Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam theo thư đề nghị cung cấp tiện ích chung số VNM 150421 ngày 02 tháng 03 năm 2015, về việc cấp hạn mức hỗn hợp với số tiền là 8.000.000 USD để đáp ứng nhu cầu vốn của Tổng Công ty cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển, nhu cầu dịch vụ thương mại. Tổng thời hạn của mỗi khoản tiện ích không vượt quá 150 ngày. Tiền lãi sẽ được tính ở mức lãi suất cho vay cơ bản USD của thời hạn tương ứng cộng 0,8%/năm. Hạn mức thấu chi là 6.412.500.000 VND, lãi suất cho số dư thấu chi là bằng mức lãi suất cho vay cơ bản VND qua đêm cộng 1.55%/năm, được thanh toán vào cuối tháng bằng cách khấu trừ vào tài khoản. Biện pháp bảo đảm bằng hàng tồn kho và khoản phải thu theo hợp đồng thế chấp số VMR 111978/MR trị giá ít nhất 8.000.000 USD.

Thỏa thuận chung về tiện ích Bảng sửa đổi số 2 ngày 03/12/2015, tổng hạn mức tiện ích 8.000.000 USD. Lãi suất áp dụng là Lãi suất cho vay cơ bản USD/VND/ngoại tệ khác cộng với lãi biên tối đa 1%/năm. Hạn mức thấu chi 6.412.500.000 VND.

[4] Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 0151 - HĐTD.VIB625.15 ngày 03/07/2015, với tổng các tiện ích ngắn hạn là 200.000.000.000 VNĐ (hoặc tương đương bằng ngoại tệ khác được VIB chấp nhận) trong đó tổng các tiện ích tín dụng ngắn hạn là: 170.000.000.000 VND, tiện ích tín dụng chứng từ là 200.000.000.000 VND. thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay đáp ứng về nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh ngành dệt may của Tổng Công ty. Thời gian của các tiện ích được xem xét lại định kỳ hàng năm, vào thời điểm do VIB toàn quyền quyết định. Lãi suất cho vay bằng chi phí giá vốn cộng biên độ điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật, lãi được thanh toán cuối kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Biện pháp bảo đảm: Công ty cam kết chuyển doanh thu về tài khoản Ngân hàng tối thiểu 10% doanh thu nhưng không thấp hơn 300 tỷ đồng/năm. Doanh thu trực tiếp về tài khoản VIB tối thiểu bằng 30% doanh số giải ngân tại VIB.

[5] Ngân hàng Far East National Bank, Chi nhánh TP.HCM, (sau đổi tên thành Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh) theo hợp đồng tín dụng số 151017 tháng 05 năm 2015, với tổng hạn mức tín dụng là 3.000.000 USD, để đáp ứng nhu cầu bổ sung vốn lưu động, tài trợ cho việc sản xuất, gia công hàng xuất khẩu của Tổng Công ty, nhu cầu phát hành thư tín dụng, chiết khấu L/C. Có thời hạn từ ngày 18/06/2015 đến 18/06/2016. Lãi suất cho vay không thấp hơn LIBOR hoặc chi phí vốn của ngân hàng cộng với 1,00%/năm đối với USD, không thấp hơn chi phí vốn của ngân hàng + 1,00%/năm đối với VND, lãi được tính lũy kế từng ngày và dựa trên cơ sở 360 ngày, giai đoạn tính lãi là 1 tháng, vào ngày 27 hàng tháng. Lãi phạt sẽ tăng lên 5% của khoản tiền lãi phải trả nhưng không quá 150%/năm. Biện pháp bảo đảm là các khoản phải thu và hàng tồn kho.

[6] Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đông Sài Gòn, theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 44.15.280.589305.TD ngày 19 tháng 06 năm 2015, với tổng hạn mức tín dụng là 10.000.000 USD (hoặc nội tệ tương đương), mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh may mặc giai đoạn 2015 - 2016. Thời hạn giải ngân tối đa đến 31/05/2016. Thời hạn vay cho mỗi khoản vay là: 06 tháng. Thời gian đáo hạn cuối cùng của một khoản tín dụng thuộc hạn mức tín dụng là ngày sau 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản tín dụng đó, lãi suất cho vay được áp dụng theo gói tín dụng ưu đãi Bluechip, lãi suất được xác định cụ thể cho từng khế ước vay, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và cố định trong suốt thời gian quá hạn. Lãi được thu định kỳ hàng tháng vào ngày 05 hàng tháng. Phạt tiền lãi 3% trên số tiền lãi chậm trả dưới 10 ngày, 5% trên số tiền lãi từ 10 đến 30 ngày và 7% trên số tiền lãi chậm trả trên 30 ngày. Biện pháp bảo đảm bằng tín chấp.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

[7] Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam), Thư cấp hạn mức tín dụng ngày 25/08/2011, được sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm. Thư cấp hạn mức tín dụng số BFL/13-40 ngày 20/04/2013 với Ngân hàng Standard Charter Bank (Vietnam) limited. Bản sửa đổi thư cấp tín dụng ngày 25/08/2015 số tham chiếu SBFL/15-103 của ngân hàng hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam). Hạn mức tín dụng cho tài trợ thương mại là 3.000.000 USD hoặc là số tiền tương đương bằng loại tiền khác, tài trợ các hạn mức tín dụng kết hợp là 3.000.000 USD hoặc số tiền tương đương bằng loại tiền khác.

[8] Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam, Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh, theo biên bản sửa đổi thứ tư thư đề nghị cung cấp tiện ích ngày 25 tháng 09 năm 2015, với tổng hạn mức tín dụng là 6.000.000 USD trong đó hạn mức tiện ích để tài trợ thanh toán chi phí gia công là 2.000.000 USD, ngày xem xét lại tiện ích là 30/06/2016 để đáp ứng nhu cầu mua nguyên vật liệu và thanh toán chi phí gia công từ các bên không có liên quan của bên vay. Kỳ hạn tối đa là 5 tháng cho mỗi khoản vay tính từ ngày rút vốn. Lãi suất cho vay bằng chi phí vốn của ngân hàng cộng 1,5%/năm. Còn lại các điều khoản khác không có thay đổi so với thư đề nghị cung cấp tiện ích cũ. Biện pháp đảm bảo: thế chấp hàng hóa.

Theo thỏa thuận vay số FA/NHABE.08.2016 ngày 02/08/2016 với ngân hàng ANZ hạn mức tín dụng cho tài trợ thương mại là 6.000.000 USD.

[9] Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Sài Gòn: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/93189/HĐTD ngày 03/08/2015, hạn mức cấp tín dụng thường xuyên là: 20.000.000 USD. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động/ bảo lãnh, mở L/C, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31/07/2016. Lãi suất vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Biện pháp bảo đảm là tín chấp.

[10] Ngân hàng TMCP Hàng Hải: Hợp đồng tín dụng số 345/2015/HĐTDHM ngày 28/12/2015, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, hạn mức tín dụng trong hợp đồng này là tổng dư nợ và L/C tối đa mà bên A cung cấp cho bên B, được tính bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ, quy đổi ra đồng VN là 100.000.000.000 đồng, bao gồm: Cho vay ngắn hạn: 100.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương, Phát hành thư tín dụng L/C : 100.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Thời hạn cấp tín dụng đối với mỗi khoản tín dụng được xác định theo từng khế ước nhận nợ, L/C; Riêng thời hạn cho vay không vượt quá 6 tháng, Bên A có quyền yêu cầu bên B hoàn trả nợ gốc và lãi trước hạn tại bất kỳ thời điểm nào. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 30/11/2015. Mục đích cho vay: cho vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Phát hành thư tín dụng-L/C để nhận nhập khẩu hàng hóa phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay theo thỏa thuận và thể hiện tại từng khế ước nhận nợ cụ thể, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Các tài sản và biện pháp đảm bảo: tài sản ký quỹ bằng tiền thực hiện theo thỏa thuận cụ thể giữa các bên, tài sản cầm cố thế chấp cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo.

[11] Vay dài hạn của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, gồm các hợp đồng:

Hợp đồng 0018/ĐTDA/13CD: Đây là khoản vay dài hạn từ ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0018/ĐTDA/13CD ngày 22 tháng 04 năm 2013, với số tiền cam kết cho vay tối đa bằng VNĐ hoặc USD tương đương là 19.950.000.000 VNĐ, trong đó tổng số tiền giải ngân bằng USD tối đa là : 190.373 USD. Nhằm mục đích đầu tư máy móc thiết bị. Thời hạn của khoản vay này là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay VNĐ bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ 12 tháng loại trả sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 3,6%/năm. Lãi suất cho vay không thấp hơn sàn cho vay ngắn hạn áp dụng đối với bên vay và được điều chỉnh 3 tháng một lần. Các khoản vay này được đảm bảo bằng máy

TỔNG CÔNG TY MÁY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

móc thiết bị ngành may trị giá 28.500.000.000 đồng. Phụ lục hợp đồng số 2 ngày 20/01/2014 về lịch trả nợ. Hợp đồng thế chấp thiết bị số 0025/NHNT-TC ngày 22/04/2013, danh sách tài sản được mô tả trong biên bản định giá số 01/BBDG ngày 16/04/2013.

Hợp đồng tín dụng số 0004/ĐTDA/14CD ngày 27 tháng 02 năm 2014, phục vụ cho dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị năm 2014, ký với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM. Tổng số tiền cho vay tối đa bằng VND hoặc USD tương đương 18.072.753.342 VND (tỷ giá quy đổi tỷ giá bán chuyển khoản của USD do bên cho vay công bố tại ngày giải ngân). Mục đích sử dụng vốn vay là để thanh toán các chi phí của dự án. Thời hạn cho vay tối đa 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ 54 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ công bố + với biên độ 2,5%/năm, thời gian còn lại thì bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ công bố + với biên độ 3 %/năm. Lãi suất USD bằng lãi suất tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng cuối kỳ cộng với biên độ cố định 2,8%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Trả nợ gốc được trả làm 18 kỳ kể từ thời gian ân hạn. Biện pháp bảo đảm tiền vay là thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay của dự án. Hợp đồng thế chấp tài sản số 0010/NHNT-TC ngày 27/02/2014, tài sản đảm bảo được mô tả trong biên bản định giá tài sản số 01-0010/BBDG ngày 03/2014.

Hợp đồng tín dụng số 0031/ĐTDA/14CD ngày 06 tháng 10 năm 2014, phục vụ cho dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị năm 2014 đợt 2, ký với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM. Tổng số tiền cho vay tối đa bằng VND hoặc USD tương đương 5.690.000.000 VND (tỷ giá quy đổi tỷ giá bán chuyển khoản của USD do bên cho vay công bố tại ngày giải ngân) nhưng không vượt quá tối đa 70% tổng mức đầu tư dự án. Mục đích sử dụng vốn vay là để thanh toán các chi phí của dự án. Thời hạn cho vay tối đa 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ 54 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ công bố + với biên độ 2,5%/năm, thời gian còn lại thì bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ công bố + với biên độ 3 %/năm. Lãi suất USD bằng lãi suất tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng cuối kỳ cộng với biên độ cố định 2,8%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Trả nợ gốc được trả làm 18 kỳ kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Biện pháp bảo đảm tiền vay là thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay của dự án. Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0044/NHNT-TC ngày 06/10/2014, biên bản định giá tài sản bảo đảm số 01-0044/BBDG ngày 06/10/2014.

5.15 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	39.171.767.442	29.144.918.195
Dự phòng quỹ tiền lương	39.171.767.442	29.144.918.195
b) Dài hạn	-	-
Tổng	39.171.767.442	29.144.918.195

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	182.000.000.000	30.312.209.716	64.867.739.303	277.179.949.019
Tăng trong năm	-	1.087.687.997	68.417.896.251	69.505.584.248
Lợi nhuận sau thuế	-	-	68.417.896.249	68.417.896.249
Phân phối lợi nhuận	-	1.087.687.997	-	1.087.687.997
Tăng khác	-	-	2	2
Giảm trong năm	-	-	57.749.049.293	57.749.049.293
Chia cổ tức năm 2014	-	-	45.500.000.000	45.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.087.687.997	1.087.687.997
Quỹ khen thưởng	-	-	7.525.968.587	7.525.968.587
Quỹ phúc lợi	-	-	3.420.894.812	3.420.894.812
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh	-	-	214.497.897	214.497.897
Số dư tại 31/12/2015	182.000.000.000	31.399.897.713	75.536.586.261	288.936.483.974
Số dư tại 01/01/2016	182.000.000.000	31.399.897.713	75.536.586.261	288.936.483.974
Tăng trong năm	-	-	74.173.702.942	74.173.702.942
Lợi nhuận sau thuế	-	-	74.173.702.942	74.173.702.942
Giảm trong năm	-	-	57.367.792.494	57.367.792.494
Tạm ứng cổ tức năm 2015	-	-	45.500.000.000	45.500.000.000
Quỹ khen thưởng	-	-	8.159.107.324	8.159.107.324
Quỹ phúc lợi	-	-	3.708.685.147	3.708.685.147
Khác	-	-	23	23
Số dư tại 31/12/2016	182.000.000.000	31.399.897.713	92.342.496.709	305.742.394.422

(*) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2016 số 28/15/ĐHCD ngày 06 tháng 4 năm 2016 về việc phân phối lợi nhuận năm 2015.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2016	Tỷ lệ	01/01/2016	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	50.400.000.000	27,69%	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần 4M	17.800.000.000	9,78%	14.165.710.000	7,78%
Công ty Cổ phần Thương mại & Vận tải Biển Bom	491.220.000	0,27%	491.220.000,00	0,27%
Các cổ đông khác	113.308.780.000	62,26%	116.943.070.000	64,26%
Tổng	182.000.000.000	100%	182.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	182.000.000.000	182.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	182.000.000.000	182.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	45.500.000.000	45.500.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu		

e. Các quỹ doanh nghiệp

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	31.399.897.713	31.399.897.713
Tổng	31.399.897.713	31.399.897.713

5.17 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.085.978.518.777	3.597.781.717.707
Doanh thu bán thành phẩm	3.051.808.679.645	3.570.362.230.759
Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.169.839.132	27.419.486.948
Các khoản giảm trừ doanh thu	17.827.685.241	15.345.848.134
Chiết khấu thương mại	1.731.668.176	-
Giảm giá hàng bán	-	2.196.170.459
Hàng bán bị trả lại	16.096.017.065	13.149.677.675
Doanh thu thuần về bán hàng	3.068.150.833.536	3.582.435.869.573

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn bán thành phẩm	2.442.034.884.571	2.948.884.339.985
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.178.860.732	1.631.733.501
Tổng	2.443.213.745.303	2.950.516.073.486

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	993.253.453	731.477.184
Cổ tức, lợi nhuận được chia	24.130.638.778	23.877.985.770
Lãi chênh lệch tỷ giá	28.148.916.276	43.490.063.163
Lợi nhuận khoán	-	437.117.453
Lãi do thanh lý khoản đầu tư	-	376.087.203
Tổng	53.272.808.507	68.912.730.773

5.20 Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	24.729.849.454	26.746.350.984
Lỗ chênh lệch tỷ giá	33.659.383.953	77.114.601.502
Tổng	58.389.233.407	103.860.952.486

5.21 Chi phí bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	55.785.580.553	40.048.433.960
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	5.691.962.564	6.950.112.977
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	4.980.763.166	3.192.503.881
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.585.223.909	1.511.721.797
Thuế, phí, lệ phí	96.431.000	105.707.272
Chi phí dịch vụ mua ngoài	175.619.383.362	189.502.931.095
Chi phí bằng tiền khác	23.376.755.120	18.019.154.756
Tổng	267.136.099.674	259.330.565.738

5.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	154.343.052.945	161.399.368.720
Chi phí vật liệu quản lý	13.967.077.317	13.649.581.225
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.675.000.682	4.129.224.156
Chi phí khấu hao TSCĐ	19.989.826.569	15.997.206.448
Thuế phí và lệ phí	1.313.623.662	2.982.313.925
Chi phí dự phòng	742.730.920	964.349.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.681.960.517	27.554.495.714
Chi phí bằng tiền khác	35.135.972.298	30.265.236.474
Tổng	272.849.244.910	256.941.776.412

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.23 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	1.389.043.565	637.803.183
Thu hồi nguyên vật liệu	-	512.578.587
Xử lý chênh lệch gia công	268.024.896	114.836.077
Xử lý công nợ	6.613.410.080	-
Thu nhập từ bồi thường hàng bị cháy	1.099.290.304	-
Thu nhập từ đào tạo	244.400.000	-
Khác	270.292.715	283.461.210
Tổng	9.884.461.560	1.548.679.057
<i>Chi phí khác</i>		
Giá vốn hàng bị cháy	1.151.378.182	-
Phạt vi phạm	108.622.541	304.716.823
Khác	411.858.278	658.755.529
Tổng	1.671.859.001	963.472.352
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	8.212.602.559	585.206.705

5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	88.047.921.307	81.284.438.929
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	6.142.094.854	5.837.405.082
Chi phí không được trừ	5.454.722.309	4.953.938.256
Chi phí khấu hao vượt định mức	578.750.004	304.716.823
Các khoản phạt	108.622.541	578.750.003
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	24.818.924.336	28.637.559.101
Thu nhập từ nhận cổ tức	24.130.638.778	24.315.103.223
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	688.285.558	4.322.455.878
Thu nhập chịu thuế	69.371.091.825	58.484.284.911
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	22%
Thuế TNDN hiện hành	13.874.218.365	12.866.542.680

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.447.187.464.867	1.571.792.405.131
Chi phí nhân công	709.963.852.318	721.044.841.835
Chi phí khấu hao tài sản cố định	59.607.057.006	58.539.541.896
Chi phí dịch vụ mua ngoài	732.295.217.211	1.084.487.142.953
Chi phí khác bằng tiền	34.145.498.485	30.924.483.822
Tổng	2.983.199.089.887	3.466.788.415.636

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Thông tin về các bên liên quan**

Giao dịch với các bên có liên quan

Giao dịch bán hàng trong năm

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Điện, nước, thuê máy	782.585.199	848.582.951
		Tiền thuê nhà	-	85.368.053
		Khác	156.482.415	242.814.116
		Nguyên phụ liệu	103.209.018	580.168.497
		Quần áo	2.833.842.449	8.702.278.552
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty LD, liên kết	Điện, nước, thuê máy	31.824.000	11.254.000
		Gia công	281.417.701	-
		Nguyên phụ liệu	98.898.175	21.652.398
		Quần áo	452.891.818	291.777.048
		Khác	-	6.304.880
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	Quần áo	87.884.093	151.798.320
		Điện, nước, thuê máy	278.739.950	438.263.654
		Tiền thuê nhà	395.056.384	223.462.575
		Chi phí XNK	-	10.440.000
		Khác	120.277.817	1.727.040
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty con	Điện, nước, thuê máy	2.400.000	6.738.000
		Chi Phí XNK	-	32.949.772
		Khác	176.193.720	160.122.535
		Quần áo	-	2.975.000

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch bán hàng trong năm (Tiếp)**

Bên liên quan	Quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Điện, nước, thuê máy	113.682.000	196.436.961
		Nguyên phụ liệu	37.009.118	29.848.951
		Tiền thuê nhà	-	141.565.542
		Khác	-	57.476.880
		Quần áo	-	1.054.545
		Phí vận chuyển	7.300.000	-
		Chi phí XNK	3.936.364	88.079.385
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Điện, nước, thuê máy	14.180.000	16.757.000
		Quần, áo	21.605.411	-
		Nguyên phụ liệu	-	36.526.470
		Chi phí XNK	20.151.360	20.806.095
		Khác	31.660.984	153.508.481
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Điện, nước, thuê máy	5.496.000	185.835.332
		Khác	7.034.455	25.248.588
		Nguyên phụ liệu	258.719.400	203.848.600
		Chi phí xuất nhập khẩu	9.362.600	172.669.851
		Quần Áo	-	(98.105.590)
		Tiền thuê nhà	-	653.883.518
Công ty CP May Hậu Giang - Nhà Bè	Công ty con	Quần áo	75.986.428	-
		Điện, nước, thuê máy	3.060.000	-
		Nguyên Phụ Liệu	2.801.850	-
		Chi phí xuất nhập khẩu	5.500.000	-
		Thiết bị các loại	3.094.375.625	-
		Khác	9.220.542	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch bán hàng trong năm (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty CP May Phú Thịnh-NB	Công ty LD, liên kết	Điện, nước, thuê máy	29.370.000	8.556.000
		Quần áo	53.809.091	3.818.190
		Gia công	5.090.920	-
		Thiết bị các loại	-	145.090.876
		Chi phí xuất nhập khẩu	-	5.129.550
		Khác	-	5.810.788
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Thiết bị các loại	-	136.363.636
		Điện, nước, thuê máy	1.800.000	-
		Quần áo	-	2.068.687.821
		Phí vận chuyển	50.653.392	-
		Nguyên phụ liệu	-	18.873.061
		Thuê nhà	299.553.785	299.553.785
		Khác	60.869.947	161.658.849
		Chi Phí XNK	-	44.000.000
		Gia công	2.020.289.093	4.520.840.594
		Khác	630.228	17.344.089
Công ty CP Thương Mại Nhà Bè	Công ty con	Nguyên phụ liệu	-	502.691.636
		Điện, ăn, nước, thuê máy	-	166.107.229
		Tiền thuê nhà	-	136.447.633
		Khác	-	-
Công ty Cổ phần Truyền thông và Du lịch NBC	Công ty LD, liên kết	Điện, nước, thuê máy	98.074.705	162.014.922
		Tiền thuê nhà	284.436.580	138.651.070
		Gia công	-	18.300.000
		Thiết bị các loại	3.636.364	-
		Khác	25.024.691	1.764.360

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch bán hàng trong năm (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty Cổ phần May Bình Thuận-NB	Công ty con	Quần áo	965.163.828	2.573.173.738
		Thiết bị các loại	9.818.182	-
		Điện, ăn, nước, thuê máy	-	1.276.000
		Khác	4.607.820	30.374.007
		Nguyên Phụ Liệu	-	1.750.000
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty con	Quần áo	13.330.185.141	-
		Nguyên Phụ Liệu	18.041.770	-
Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Tiền thuê nhà	328.032.774	66.355.740
		Khác	8.296.000	-
		Điện, ăn, nước, thuê máy	75.933.182	14.186.928
		Quần áo	-	10.605.441
Công Ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	Công ty con	Quần áo	4.390.909	-
Công Ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Tiền thuê nhà	223.928.146	71.838.900
		Quần áo	33.027.273	50.585.980
		Khác	10.914.000	-
		Điện, ăn, nước, thuê máy	53.334.032	23.841.880

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch mua hàng trong năm**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát triển Thương mại dịch vụ Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	Thiết bị các loại	-	1.818.181.818
		Công cụ, dụng cụ	-	100.000.000
		Phí vận chuyển	57.673.196.352	54.547.889.002
		khác	412.628.347	13.512.565.773
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty con	Sửa chữa	54.713.740	71.480.134
		Gia công quần áo	12.374.989.370	32.426.930.754
		Gia công quần áo	46.599.908.671	77.494.770.478
		Gia công quần áo	38.304.666.375	74.697.909.537
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Phí vận chuyển	-	26.469.600
		Gia công quần áo	25.978.440.005	23.446.296.436
		Hoa hồng đại lý	-	114.054.819
		Gia công quần áo	30.143.037.185	48.953.269.626
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Công cụ dụng cụ	-	38.000.000
		Gia công quần áo	4.441.976.308	13.671.434.422
		Nguyên phụ liệu	-	60.000
		Gia công quần áo	54.488.981.031	137.304.144.840
Công ty CP May Bình Thuận-NB	Công ty con	Phí vận chuyển	-	84.153.281
		Gia công quần áo	3.193.129.987	20.713.717.435
		Phí vận chuyển	1.860.660.463	3.536.500
		Khác	-	563.043.895
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Nhập mua	31.992.496	233.181.650
		Gia công quần áo	4.024.994.714	18.462.799.010
		Phí vận chuyển	-	-
		Khác	-	-
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty con	Gia công quần áo	-	-
		Phí vận chuyển	-	-
		Khác	-	-
		Nhập mua	-	-
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Gia công quần áo	-	-
		Phí vận chuyển	-	-
		Khác	-	-
		Nhập mua	-	-
Công ty CP TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Gia công quần áo	-	-
		Phí vận chuyển	-	-
		Khác	-	-
		Nhập mua	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Nhà Bè	Công ty con	Gia công quần áo	-	-
		Phí vận chuyển	-	-
		Khác	-	-
		Nhập mua	-	-
Công ty CP May Phú Thịnh-NB	Công ty LD, liên kết	Gia công quần áo	-	-
		Phí vận chuyển	-	-
		Khác	-	-
		Nhập mua	-	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch mua hàng trong năm (Tiếp)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty Cổ Phần Truyền Thông và Du lịch NBC	Công ty LD, liên kết	Công cụ dụng cụ, thiết bị các loại	1.745.988.329	2.637.382.952
		Dịch vụ bảo trì máy vi tính	862.197.750	743.595.000
		Duy trì web và Cung cấp thiết bị	84.000.000	261.983.414
		Vận chuyển và cung cấp dịch vụ	1.186.410.886	722.523.364
		Quảng cáo và VPP	1.678.540.000	1.399.745.412
		Thi công gian hàng hội chợ	57.534.900	-
		Thi công các công trình, và CC DV	2.508.766.779	826.100.643
		TSCĐ, khác	603.729.395	6.860.238.663
Công ty CP Tư vấn Công Nghệ NB	Công ty LD, liên kết	CCDC và NVL	224.182.000	12.519.308.650
		Tài sản cố định	3.272.447.000	-
		Dịch vụ bảo trì máy vi tính	144.800.000	225.966.666
		Phụ tùng, khác	-	45.800.000
		Thiết bị các loại và VPP	-	184.425.000
Công ty CP Xây Lắp CN Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	CCDC	67.790.900	676.742.700
		Mua NVL	1.324.636.480	-
		Thiết bị các loại	-	2.351.975.320
		Xây dựng cơ bản dở dang, khác	255.240.001	161.383.700
		Sửa chữa	205.405.977	4.465.912.087
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty con	Gia công	4.814.532.307	-
		Máy móc thiết bị	10.981.777.537	-
Công ty Cổ phần May Hậu Giang	Công ty con	Gia công	38.241.726.832	-
		Máy móc thiết bị	3.148.107.984	-
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	Công ty LD, liên kết	Nhập gia công	735.848.990	-
Công Ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	khác	-	370.529.418

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên có liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty Cổ Phần Thương Mại Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khách hàng	-	3.134.188.578
Công ty Cổ Phần TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khách hàng	3.068.940.817	9.218.711.641
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty con	Phải thu khách hàng	14.662.588.655	3.314.330
Công ty Cổ Phần May Gia Lai	Công ty con	Phải thu khách hàng	51.463.604.719	44.725.228.136
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Phải thu khách hàng	-	589.367
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Phải thu khách hàng	66.914.280	537.837
Công Ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khách hàng	-	29.820.013
Công ty Cổ phần Xây lắp CN Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	20.252.430	19.985.130
Công ty Cổ phần Thương mại Bán lẻ Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	59.276.448	29.311.524
Công ty CP Truyền thông và du lịch NBC	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	157.132.580	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	143.092.862	143.972.328
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	4.464.000	47.568.088
Công ty Cổ Phần May Phú Thịnh - Nhà bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	-	198.139.435
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty con	Phải trả người bán	3.584.114.476	9.262.826.484
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Phải trả người bán	7.105.465.310	12.639.392.680
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Phải trả người bán	5.589.136.748	9.047.209.602
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Phải trả người bán	6.836.575.714	8.259.361.192
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Phải trả người bán	9.466.548.521	14.571.303.665
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Phải trả người bán	15.028.832.427	20.455.026.214
Công ty Cổ phần Thương Mại Nhà Bè	Công ty con	Phải trả người bán	601.740	2.525.327.600
Công ty CP Thương Mại Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Phải trả người bán	150.368.702	1.309.539.760
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty con	Phải trả người bán	-	329.966.632
Công ty Cổ phần May Hậu Giang - Nhà Bè	Công ty con	Phải trả người bán	9.956.969.653	1.087.128.624

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên có liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty CP Truyền thông và du lịch NBC	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	1.594.169.065	-
Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	-	2.286.890.034
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	1.082.587.883	3.523.530.552
Công ty Cổ phần Xây lắp CN Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	62.591.402	-
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	6.688.000	601.028.743
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	809.399.390	344.990
Công ty Cổ phần Xây lắp CN Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Trả trước người bán	1.689.597.138	1.916.980.674
Công ty Cổ phần May Phú Thịnh Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Trả trước người bán	1.836.556.028	-
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Trả trước người bán	-	10.156.364
Công ty CP TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Trả trước người bán	-	4.621.404
Công ty CP May Gia Phúc	Công ty con	Trả trước người bán	3.131.618.297	700.000
Công ty Cổ Phần May Gia Lai	Công ty con	Phải trả khác	521.000.000	521.000.000
Công ty CP May Tam Quan	Công ty con	Phải thu khác	712.161.906	712.161.906
Công ty CP May An Nhơn	Công ty con	Phải thu khác	916.360.718	916.360.718
Công ty CP May Bình Định	Công ty con	Phải thu khác	403.510.873	404.810.873
Công ty CP TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khác	478.708.302	4.530.565
Công ty CP Thương Mại Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khác	-	42.523.788
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khác	12.000.000.000	-
Công ty CP May Hậu Giang	Công ty con	Phải thu khác	603.936.000	17.423.175.750
Công ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	229.310.200	125.103.668
Công ty CP Truyền Thông và Du Lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	27.595.797	29.435.805
Công ty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	-	4.355.478
Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	19.920.620	6.181.276
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	6.107.682	7.838.501

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.203.334.462	127.376.857.314
Phải thu khách hàng và phải thu khác	428.144.795.945	696.218.150.819
Đầu tư tài chính dài hạn	1.530.000.000	1.530.000.000
Tổng	475.878.130.407	825.125.008.133
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	996.448.064.161	1.329.806.461.075
Phải trả người bán và phải trả khác	251.194.083.630	323.042.732.001
Chi phí phải trả	33.138.080.284	25.762.430.818
Tổng	1.280.780.228.075	1.678.611.623.894

Các loại công cụ tài chính

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, Tổng Công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, Công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	243.939.213.822	7.254.869.808	251.194.083.630
Chi phí phải trả	33.138.080.284	-	33.138.080.284
Các khoản vay	936.937.742.161	59.510.322.000	996.448.064.161
Tổng	1.214.015.036.267	66.765.191.808	1.280.780.228.075
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2016			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	315.208.051.036	7.834.680.965	323.042.732.001
Chi phí phải trả	25.762.430.818	-	25.762.430.818
Các khoản vay	1.293.451.945.075	36.354.516.000	1.329.806.461.075
Tổng	1.634.422.426.929	44.189.196.965	1.678.611.623.894

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.203.334.462	-	46.203.334.462
Phải thu khách hàng và phải thu khác	412.104.746.366	16.040.049.579	428.144.795.945
Đầu tư tài chính khác	-	1.530.000.000	1.530.000.000
Tổng	458.308.080.828	17.570.049.579	475.878.130.407
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	127.376.857.314	-	127.376.857.314
Phải thu khách hàng và phải thu khác	683.921.451.663	12.296.699.156	696.218.150.819
Đầu tư tài chính khác	-	1.530.000.000	1.530.000.000
Tổng	811.298.308.977	13.826.699.156	825.125.008.133

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

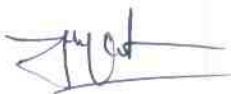
Mẫu B 09-DN

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty đã được kiểm toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Người lập



Huỳnh Văn Phát

Kế toán trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường

